

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 157/2023/HS - ST

Ngày: 13-9-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Minh Trí.

2/ Bà Nguyễn Thị H Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 168/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Nguyễn Hải A**, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phương Mai 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/3/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 54/2014/HSST (chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/6/2014); bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/4/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Ông Võ Tuấn T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 43 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 10/8, đường DX 103, Tổ 60, Khu phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Hạnh Phú, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Thịnh, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: số 150/9, đường Lê Chí Dân, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 25/4/2023, bị cáo Trần Nguyễn Hải A cùng người bạn tên Hùng (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) đi vào nhà nghỉ Vi Linh, địa chỉ số tại 150/9, đường Lê Chí Dân, khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để nghỉ ngơi. Khoảng 30 phút sau, Hùng đi về trước còn bị cáo A ở lại một lúc sau mới đi về và khi đi ngang phòng số 02 nhà nghỉ Vi Linh thì bị cáo nhìn thấy cửa sổ chỉ khép hờ nên bị cáo dùng tay mở cánh cửa sổ ra thì thấy bà Nguyễn Thị H và ông Võ Tuấn T đang ngủ. Lúc này, bị cáo nhìn thấy trên bàn cạnh cửa sổ có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold; 01 (một) chiếc điện thoại Oppo, màu xanh; 01 (một) chiếc đồng hồ màu nâu (chưa xác định được nhãn hiệu); 01 (một) bóp da màu đen trong bóp da có 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng và số tiền mặt là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Bị cáo dùng tay luồn vào cửa sổ và lấy trộm tất cả tài sản trên bỏ vào túi xách của bị cáo. Sau đó, bị cáo đi đến quán Internet (bị cáo không nhớ tên quán và địa chỉ cụ thể) để chơi game; tại đây, bị cáo đã ngủ quên và khi thức dậy bị cáo phát hiện đã bị mất 01 (một) điện thoại Oppp màu xanh và 01 (một) bóp da màu đen. Sau khi chơi game xong, khoảng 10 giờ cùng ngày 25/4/2023, bị cáo đi đến tiệm vàng Kim Thành Nhân Ngọc, địa chỉ tại khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương bán 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng đã trộm trước đó, được số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Đến ngày 27/4/2023, bị cáo tháo 01 (một) sim trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold cất đi, rồi đem tới tiệm cầm đồ Anh Dân II, địa chỉ tại khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương cầm cố được số tiền là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tất cả số tiền nêu trên cùng với số tiền mặt lấy trộm được là 3.000.000 (ba triệu) đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 29/4/2023, bị cáo lấy sim điện thoại đã tháo từ chiếc điện thoại Iphone 11 Promax gắn vào điện thoại của bị cáo và đăng nhập vào tài khoản Zalo của bà H để liên hệ và yêu cầu bà H ra quán cà phê (hiện chưa xác định tên quán và địa chỉ cụ thể) để chuộc lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold.

Riêng đối với bị hại là bà H và ông T sau khi bị mất trộm các tài sản thì đã được ông Lê Văn T là quản lý của nhà nghỉ Vi Linh đền bù số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng nên không trình báo Cơ quan Công an. Nhưng đến khoảng 15 giờ, ngày 29/4/2023, khi bị cáo A đăng nhập vào tài khoản zalo của bà H tên “Tâm Buty” và Âu liên lạc bằng tài khoản Zalo hỏi bà H có muốn chuộc lại điện thoại di động thì gặp bị cáo và đưa bị cáo 3.000.000 (ba triệu) đồng để chuộc lại điện thoại Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold, nên bà H trình báo cho

Công an phường Hiệp An biết sự việc nêu trên. Sau đó, bà H cùng bị cáo tới tiệm cầm đồ Anh Dân II để chuộc lại điện thoại thì bị cáo bị Công an phường Hiệp An mời về trụ sở để làm việc. Tại trụ sở Công an phường Hiệp An, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2023 và Bản kết luận định giá tài sản số 219/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold, số IMEI: 352852111891097 trị giá: 8.000.000 (tám triệu) đồng; 01 (một) điện thoại Oppo A15S, màu xanh trị giá: 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng (tài sản không thu hồi được); 01 (một) bóp da màu đen trị giá: 30.000 (ba mươi ngàn) đồng (tài sản không thu hồi được). Đối với 01 (một) đồng hồ màu nâu và 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng (tài sản không thu hồi được) do không xác định được hiện trạng tài sản ban đầu cụ thể như đặc tính, thông số kỹ thuật, nhãn hiệu, trọng lượng, chất lượng nên không có cơ sở để định giá.

Ngày 11/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold cho bà H theo Quyết định xử lý vật chứng số 73 ngày 11/5/2023. Quá trình điều tra, bị hại bà H khai nhận bà H là chủ sở hữu của các tài sản gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold; 01 (một) điện thoại Oppo, màu xanh; 01 (một) đồng hồ màu nâu (chưa xác định được nhãn hiệu). Đối với các tài sản không thu hồi được, gồm: 01 (một) điện thoại Oppo A15S; 01 (một) đồng hồ màu nâu bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng. Đối với bị hại ông Võ Tuấn T khai nhận ông T là chủ sở hữu các tài sản gồm: 01 (một) bóp da màu đen; 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng và số tiền mặt là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Tuy nhiên, do các tài sản nêu trên đều không thu hồi được nên ông T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho bà H và ông T. Riêng đối với số tiền 6.500.000 (Sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng, do ông Lê Văn T là quản lý nhà nghỉ Vi Linh đã đền bù cho bà H, ông T thì ông T và bà H cam kết sau khi nhận được số tiền bồi thường từ bị cáo sẽ trả lại cho ông Lê Văn T số tiền trên.

Quá trình làm việc, ông Trần Thanh C1 là chủ tiệm vàng Kim Thành Nhân Ngọc khai: Ngày 25/4/2023, tại tiệm vàng Kim Thành Nhân Ngọc do lượng khách hàng ra vào tiệm vàng nhiều nên không còn nhớ rõ có khách hàng là nữ giới đã bán 01 (một) nhẫn kim loại, màu vàng cho tiệm vàng. Mặt khác, hệ thống camera tại tiệm vàng cùng ngày 25/4/2023, bị hỏng nên không thu được hình ảnh.

Trong quá trình điều tra, ông Phạm Văn H1 chủ tiệm cầm đồ Anh Dân II, địa chỉ tại khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương không yêu cầu bị cáo A phải trả lại số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng mà ông H1 đã cầm cố thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold vào ngày 27/4/2023, ông H1 không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

Cáo trạng số 156/CT-VKSTDM ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Trần Nguyễn Hải A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, một phần tài sản thu hồi được giao trả cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Hải A mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Âu trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng cho bị hại là bà Nguyễn Thị H và bồi thường số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng cho bị hại là ông Võ Tuấn T theo yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H và ông T.

Tại phiên tòa, bị hại Võ Tuấn T trình bày: Về trách nhiệm dân sự của bị cáo, ông T yêu cầu bị cáo A phải bồi thường thiệt hại cho ông T với số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng là giá trị của chiếc nhẫn vàng trị giá 3.000.000 (ba triệu) đồng và 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền mặt mà ông T bị ông lấy trộm chưa thu hồi được. Đối với số tiền do ông Lê Văn T là quản lý nhà nghỉ Vi Linh đã bồi thường cho bà H, ông T khi bị mất trộm tài sản với tổng số tiền là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng thì ông T có nhận số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bà H nhận số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Khi nào bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông T số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng thì ông T sẽ trả lại số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho ông T nếu ông T có yêu cầu. Về hình phạt đối với bị cáo, ông T không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị H trình bày: Về trách nhiệm dân sự của bị cáo, bà H yêu cầu bị cáo A phải bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng là giá trị của là 01 (một) điện thoại Oppo A15S và 01 (một) đồng hồ màu nâu bị A lấy trộm chưa thu hồi được. Đối với số tiền do ông Lê Văn T là quản lý nhà nghỉ Vi Linh đã bồi thường cho bà H, ông T khi bị mất trộm tài sản với tổng số tiền là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng thì ông T có nhận số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bà H nhận số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Khi nào bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng thì bà H sẽ trả lại số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho ông T nếu ông T có yêu cầu. Về hình phạt đối với bị cáo bà H đề nghị Hội đồng xét xử quyết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo so với mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo do bị cáo là phụ nữ, có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Đối với số tiền do ông Lê Văn T là quản lý nhà nghỉ Vi Linh đã bồi thường cho bà H, ông T khi bị mất trộm tài sản với tổng số tiền là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Ông T thống nhất với ý kiến của bà H và ông T tại phiên tòa về việc khi nào bà H và ông T được bị cáo A bồi thường toàn bộ thiệt hại thì bà H và ông T sẽ trả lại số tiền đã nhận cho ông T. Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền nêu trên trong vụ án này.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo A xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Âu thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 25/4/2023, tại phòng số 02 thuộc nhà nghỉ Vi Linh, tại số 150/9 đường Lê Chí Dân, khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo A đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Hồng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold, trị giá: 8.000.000 (tám triệu) đồng; 01 (một) điện thoại Oppo A15S, màu xanh, trị giá: 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng; 01 (một) đồng hồ màu nâu (tài sản không thu hồi được, không định giá được) và chiếm đoạt tài sản của bị hại Tú gồm: 01 (một) bóp da màu đen, trị giá: 30.000 (ba mươi nghìn) đồng, 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (tài sản không thu hồi được, không định giá được) và số tiền mặt 3.000.000 (ba triệu) đồng.

[2.2] Xét thấy, đối với 01 (một) đồng hồ màu nâu và 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng là tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại nhưng không thu hồi được, không xác định được cụ thể hiện trạng tài sản ban đầu như đặc tính, thông số kỹ thuật, nhãn hiệu, trọng lượng, chất lượng nên quá trình điều tra không có cơ sở để định giá, xác định trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại đối với những tài sản này. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bị cáo khai nhận đã bán và thu được số tiền 1.500.000 (một

triệu năm trăm nghìn) đồng do đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trên giá trị tài sản chiếm đoạt mà bị cáo đã bán được là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng; đối với 01 (một) đồng hồ màu nâu do không thu hồi được, không xác định được giá trị nên không tính vào tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại để xác định trách nhiệm hình sự của bị cáo. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo A đã chiếm đoạt của các bị hại là 14.230.000 (mười bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích tại mục [2.2], xét thấy tại Cáo trạng số 156/CT-VKSTDM ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào lời khai của các bị hại về trị giá 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng là 3.000.000 (ba triệu) đồng và 01 (một) đồng hồ màu nâu trị giá 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng và trị giá các tài sản khác (Hội đồng Định giá định giá được) mà bị cáo A đã chiếm đoạt của các bị hại để xác định tổng trị giá tài sản mà bị cáo A đã chiếm đoạt của các bị hại là 19.030.000 (mười chín triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận, nhưng không ảnh hưởng đến tội danh và điều khoản mà Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy bị cáo lợi dụng các bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ đã gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử và tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý, điều này thể hiện bị cáo là người lười lao động, khó cải tạo, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; một phần tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo có phần căn cứ vào tổng giá trị tài sản mà Viện

Kiểm sát xác định bị cáo chiếm đoạt của các bị hại và không phù hợp với nhận định của Hội đồng như đã phân tích tại mục [2.3], do đó mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của các bị cáo. Việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại nêu trên giữa các bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo đó, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồng 5.000.000 (năm triệu) đồng và bồi thường cho bị hại Tú 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

[8] Đối với số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T đã bồi thường cho bị hại Hồng và bị hại Tú. Bị hại Hồng, bị hại Tú và ông T thống nhất thỏa thuận khi nào bị cáo A bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại thì các bị hại sẽ trả lại cho ông T số tiền nêu trên. Tại phiên tòa, giữa ông T và bà H, ông T không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[9] Ông Phạm Văn H1 chủ tiệm cầm đồ Anh Dân II không yêu cầu bị cáo A phải trả lại số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng mà ông H1 đã thanh toán cho bị cáo A để nhận cầm cố thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold vào ngày 27/4/2023 và không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64G, màu vàng gold, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả cho bị hại bà H theo Quyết định xử lý vật chứng số 73 ngày 11/5/2023. Bị hại Hồng không có ý kiến gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 260, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Hải A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Hải A 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2023.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Nguyễn Hải A phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng và bồi thường cho bị hại Võ Tuấn T số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo Trần Nguyễn Hải A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khương Minh Trí